

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-PT
Ngày 08-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 08 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Công Trường G và bị hại Nguyễn Văn O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2022/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tất L1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957; có chồng tên Trần Công Trường G, sinh năm 1981 (đã ly hôn) cùng là bị cáo trong vụ án; có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; ngày 26/01/2022 bị bắt tạm giam đến ngày 05/4/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 05/4/2022 đến nay, có mặt.

2. Trần Công Trường G, sinh năm 1981 tại tỉnh Vĩnh Long; hộ khẩu thường trú: huyện G1, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: huyện H, tỉnh Bình Phước; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn G2, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị G3, sinh năm 1957; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 (đã ly hôn) cùng là bị cáo trong vụ án; có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; sau

khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, ngày 18/4/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D truy nã. Ngày 05/5/2022, bị cáo đầu thú và bị áp dụng biện pháp tạm giam để điều tra đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Tất H, sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tất L1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ con tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 07/9/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Hủy hoại tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 87/2007/HS-PT; ngày 29/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo với Bản án hình sự phúc thẩm số 87/2007/HS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, H phải chấp hành hình phạt chung là 15 tháng tù, chấp hành án xong ngày 05/7/2009 (đã xóa án tích); ngày 12/3/2012 bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 12/3/2014; ngày 30/11/2017 bị xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt số 68/QĐ-XPVPHC của Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, bị cáo nộp phạt ngày 08/02/2018; ngày 21/12/2017 bị xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi kinh doanh trò chơi điện tử máy bắn cá không rõ nguồn gốc theo Quyết định xử phạt số 03/QĐ-XPVPHC của Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, bị cáo nộp phạt ngày 30/01/2018. Ngày 14/02/2022, bị bắt tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L:* Ông Nguyễn Hồng V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp O1, xã O2, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Bà Nguyễn Thị Thúy O3 và bà Nguyễn Thị O4 thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian năm 2018, Nguyễn Thị L quen biết và có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Văn O. Trong thời gian quen biết, L có vay của ông O 1.800.000.000 đồng và thế chấp cho ông O 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên Nguyễn Thị L, giấy CNQSDĐ này L khai được một người tên P gửi giữ dùm (nghỉ giấy giả vì L khai không phải của L nhưng thông tin lại trùng họ tên, năm sinh và số giấy chứng minh nhân dân của L).

Do không có khả năng trả nợ cho ông O và bị ông O dọa sẽ tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L đến cơ quan Công an nên L nảy sinh ý định lấy

trộm giấy nợ, giấy CNQSDĐ mà L đã thế chấp và 01 chiếc điện thoại của ông O có lưu trữ thông tin việc L vay mượn nợ của ông O (bút lục số 113, 143, 144). L bàn bạc với chồng cũ là Trần Công Trường G và anh trai là Nguyễn Tất H và phân công nhiệm vụ L sẽ gọi điện rủ ông O rời khỏi nhà để G, H đột nhập vào nhà ông O lấy trộm giấy tờ và điện thoại. G và H đồng ý (bút lục số 113, 114). Sau khi lấy được giấy CNQSDĐ mà L đã thế chấp cho ông O và một số giấy tờ khác cùng chiếc điện thoại hiệu OPPO A15 màu đen của ông O thì L tiêu hủy để ông O không còn chứng cứ, L không phải trả nợ cho ông O.

Ngày 05/3/2021, L đã gọi điện cho G và chỉ đường cho G biết đường đi đến nhà ông O tại ấp O1, xã O2, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khoảng 12 giờ trưa ngày 07/3/2021, L gọi điện hẹn ông O đến một quán cà phê tại thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương uống cà phê và trả nợ cho ông O 7.000.000 đồng. Cùng thời gian này, L điện thoại cho G và H biết để đến nhà ông O để đột nhập vào nhà ông O lấy trộm giấy tờ và điện thoại. G và H thay nhau điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Sport màu đỏ của L (không rõ biển số, xe này G đã bán, không thu giữ được) đi từ huyện C, tỉnh Bình Phước đến nhà ông O, trên đường đi G và H ghé vào tiệm tạp hóa G mua 01 bình khò ga mini. Khi đến nhà ông O, G dùng bình khò ga mini đốt phá ổ khóa cửa chính nhưng không được nên ngồi ngoài ghế đá trước nhà canh giới. H tiếp tục dùng bình khò ga phá ổ khóa thì ổ khóa bung ra, H mở cửa đột nhập vào nhà ông O lục tìm tài sản. H phát hiện và lấy được chiếc điện thoại hiệu OPPO A15 màu đen tại phòng khách và đem ra ngoài sân đưa cho G xem và nói với G: *“Mới lấy được cái điện thoại thôi, mày vào tìm phụ giấy tờ đi, một mình tìm lâu lắm”* (Bút lục số 127). H tiếp tục tìm ở phòng khách rồi đi vào phòng ngủ thứ nhất từ ngoài phòng khách vào thì thấy G lục tìm giấy tờ, G dỡ chiếc chiếu giường ngủ lên phát hiện tất cả giấy tờ bỏ trong cái bìa nylon. G mang giấy tờ ra bàn ghế đá ngoài sân ngồi xem, bên trong có giấy tờ gồm: 01 giấy nợ L nợ ông O 1,8 tỷ đồng, 01 giấy CNQSDĐ tên Nguyễn Thị L, 01 sổ hộ khẩu photo tên Nguyễn Thị L, 01 giấy CMND photo tên Nguyễn Thị L, 01 đơn tố cáo ông O tố cáo Nguyễn Thị L lừa đảo chiếm đoạt tài sản (bút lục số 131). Sau đó G cầm điện thoại và giấy tờ, H điều khiển xe chở G. Khi đi đến địa phận phường Mỹ Phước, thị xã A, tỉnh Bình Dương thì H đón xe taxi và cầm theo điện thoại và giấy tờ, G điều khiển xe mô tô đi một mình về huyện H, tỉnh Bình Phước gặp L, H đưa tất cả giấy tờ và chiếc điện thoại cho L (bút lục số 127). Sau khi nhờ G lấy trộm giấy tờ và chiếc điện thoại, L trả công cho G 2.000.000 (hai triệu) đồng (bút lục số 140). Sau khi có được các giấy tờ trên và chiếc điện thoại, L đã trả GCNQSDĐ cho người tên P (không rõ nhân thân lai lịch), còn các giấy tờ khác và chiếc điện thoại L đốt bỏ.

Khi ông O về nhà phát hiện mất giấy tờ và tài sản, ông O nghi ngờ L lấy và gọi điện hỏi nhưng L không thừa nhận. Ông O chưa xác định được người lấy trộm nên chưa trình báo với cơ quan Công an. Sau đó Trần Công Trường G gọi điện liên lạc với ông O thừa nhận đã được Nguyễn Thị L thuê G và Nguyễn Tất H đột nhập vào nhà ông O lấy trộm giấy tờ và tài sản của ông O (bút lục số 68) và viết bản tường trình lại sự việc đưa cho ông O. Ngày 10/9/2021, ông Nguyễn Văn O làm đơn tố cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Tất H và Trần Công Trường G lấy trộm

giấy tờ, tài sản của mình đến Công an huyện D. Đồng thời giao nộp vật chứng gồm: 01 (một) hộp điện thoại nhãn hiệu OPPO A15 3GB/32GB, số IMEI1: 865613058254792; 01 (một) khoen móc ổ khóa bằng kim loại màu trắng, có chữ HARDENED; 01 (một) thân ổ khóa bằng kim loại màu vàng có chữ USC; 01 (một) vỏ hộp bằng giấy và 01 (một) đầu khò lửa có chữ Namilux; 01 (một) bình ga mini bằng kim loại màu trắng, hình trụ, đường kính 07cm, cao 16 cm; 01 bản tường trình của Trần Công Trường G.

Kết luận định giá tài sản số 44/KLĐG ngày 11/10/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện D đã định giá chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A15 màu đen trị giá 2.800.000 đồng.

Cáo trạng số 59/CT- VKSDT- HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Tất H và Trần Công Trường G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2022/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Tất H, Trần Công Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Công Trường G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2022.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/9/2022, bị cáo Trần Công Trường G làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/9/2022 bị hại Nguyễn Văn O làm đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do bỏ lọt tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Tất H, Trần

Công Trường G là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Trần Công Trường G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị hại kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy, các bị cáo L và G kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại đề nghị hủy án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm, xét hành vi của bị cáo L có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được cơ quan điều tra xem xét toàn diện trong vụ án nên kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý bằng vụ án khác, không cần thiết hủy bản án sơ thẩm. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo L phát biểu bào chữa: Về hành vi trộm cắp đề nghị xem xét lại các yếu tố cấu thành tội phạm hay không, xem xét lại có hay không việc bàn bạc trộm điện thoại vì H nghe L nói điện thoại có chứa hình ảnh nhạy cảm nên hành vi lấy điện thoại đó là hành vi bộc phát, không bàn bạc trước. Tại biên Bản ghi lời khai (BL 170 -172) thể hiện L bị ông O uy hiếp, nên mới nói với G, sau khi H và G đến nhà ông O lấy giấy nợ, thì H và G thấy điện thoại tự hiểu lấy điện thoại và không có sự bàn bạc trước nên cần xem xét có cấu thành tình tiết phạm tội có tổ chức để làm tình tiết định khung hay không. Vụ việc xảy ra 07/3/2021 đến 10/9/2021 bị hại mới đến trình báo, việc bị hại biết đề trình báo là do G tự trình báo với bị hại, cần phải xem giữa G với bị hại có thỏa thuận với nhau hay không. Cần làm rõ vật chứng trong vụ án là chiếc điện thoại OPPO A15 hay loại khác, xác minh rõ nguồn gốc điện thoại, loại điện thoại, thời gian mua điện thoại, cơ quan điều tra chỉ căn cứ vào lời khai của bị hại và hộp vỏ điện thoại do bị hại cung cấp để xác định vật chứng và định giá trị làm căn cứ khởi tố vụ án là chưa khách quan như vậy không có cơ sở vững chắc buộc tội đối với bị cáo L. Bị hại khai có lưu hình ảnh giấy nợ, sổ đất từ năm 2018 không có căn cứ xác định, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại phát biểu quan điểm:

Hồ sơ thể hiện bị cáo L có điện thoại nói H và G đến nhà bị hại lấy giấy vay nợ, giấy chứng nhận QSDĐ, điện thoại màu đen. Sau khi gọi điện cho H và G thì L gọi ông O ra ngoài và báo lại cho H và G để đến nhà ông O. Lời khai có đều thể hiện rõ L là chủ mưu, là rủ rờ bị hại ra khỏi nhà để các bị cáo H và G đột nhập vào nhà ông O. Như vậy, các bị cáo có bàn bạc tổ chức phân công nhiệm vụ. Hành vi trộm cắp để che dấu tội khác, bị cáo khai nhận quanh co nhằm mục đích chối tội nên hình phạt chưa tương xứng, đề nghị tăng nặng hình phạt. Bị hại Giới sau khi mua điện thoại đã chụp hình GCNQSDĐ gửi cho em gái bị hại nên mặc dù điện thoại bị mất nhưng vẫn còn lưu giữ hình GCNQSDĐ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì lý do ngoài tội trộm cắp thì cáo còn có hành vi lạm dụng, lừa đảo, sử dụng làm giả giấy tờ nhưng chưa được điều tra làm rõ.

Do tin tưởng L nên bị hại mới cho mượn tiền, sau đó L không sử dụng tiền mượn ông O để sử dụng vào mục đích đã đưa ra. L và các bị cáo đã trộm giấy tờ

và đốt hết giấy tờ nhằm tiêu huỷ chứng cứ là đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trước đó L vay 1 tỷ trong thời hạn 3 tháng, quá thời hạn này L không trả, nên ông O mới vay của bà Nhân 1.800.000.000 đồng, trả nợ 1.000.000 đồng thay cho L và 800.000.000 đồng cho L vay, L đưa giấy chứng nhận giả để vay số tiền này. L biết giấy CNQSDĐ là giả nhưng vẫn sử dụng để đưa cho ông O nhằm mục đích vay tiền. Lời khai của L thừa nhận không phải là chủ sử dụng đất có thông tin theo giấy chứng nhận dùng để thế chấp cho ông O. Đề nghị điều tra làm rõ hành vi làm giả giấy tờ và hành vi lừa đảo của L. Việc tách ra để điều tra trong vụ việc khác là ảnh hưởng đến lợi ích của bị hại. Việc toà án cấp sơ thẩm không trả hồ sơ điều tra bổ sung là không đúng, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm và không tách ra thành một vụ án khác vì hành vi của bị hại và bị cáo đã rõ về mục đích hành vi trộm cắp giấy tờ, không thuộc trường hợp kiến nghị hoặc khởi tố theo yêu cầu bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Công Trường G nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; bị cáo H không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Công Trường G và bị hại Nguyễn Văn O được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Công Trường G và Nguyễn Tất H đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn O có mối quan hệ tình cảm. Trong thời gian quen biết L nhiều lần mượn tiền của ông O và ký giấy nhận nợ với số tiền 1,8 tỷ đồng, đồng thời L thế chấp cho ông O một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị L. Do không có tiền trả nợ cho ông O và bị ông O đe dọa sẽ tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L đến cơ quan Công an nên L bàn bạc với Nguyễn Tất H, Trần Công Trường G đến ngày 07/3/2021 đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn O tại ấp O1, xã O2, huyện D lấy trộm giấy tờ và tài sản. Sáng ngày 07/3/2021, L rủ ông O ra khỏi nhà và báo cho G và H biết để đột nhập vào nhà ông O lấy trộm chiếc điện hiệu OPPO A15 màu đen trị giá 2.800.000 đồng, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một số giấy tờ khác. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, với tình tiết định khung “Phạm tội có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Công Trường

G và Nguyễn Tất H theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị L: Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Xét thấy bị cáo phạm tội nghiêm trọng, là người chủ mưu cầm đầu vạch kế hoạch để H và G thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và giấy tờ tài liệu mà bị cáo đã thế chấp cho bị hại nên bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Công Trường G: Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm của bị hại Nguyễn Văn O: Xét hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thị L, có cùng địa chỉ, chứng minh nhân dân của bị cáo Nguyễn Thị L nhưng thực tế không có đất để thế chấp vay tiền của bị hại có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên hành vi này độc lập với hành vi vi phạm của các bị cáo trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sẽ kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý bằng vụ án khác, việc hủy án sơ thẩm gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị cáo Nguyễn Tất H và Trần Công Trường G nên không cần thiết. Do đó không chấp nhận kháng cáo hủy án sơ thẩm của bị hại.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[7] Ý kiến của người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Công Trường G và bị hại Nguyễn Văn O không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Công Trường G và bị hại Nguyễn Văn O. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số

68/2022/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương:

2. 1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Công Trường G và Nguyễn Tất H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2.2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Công Trường G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05 tháng 05 năm 2022.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14 tháng 02 năm 2022.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Công Trường G, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị hại Nguyễn Văn O phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Công an huyện D (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (7);
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, PTMD, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Quân Vương

